

**CHI NHÁNH PHÁT ĐIỆN DẦU KHÍ
NHÀ MÁY NHIỆT ĐIỆN THÁI BÌNH 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 224 /NMĐTB2-KTATMT
V/v cung cấp dịch vụ vệ sinh bồn dầu HFO Tổ
máy S1 – NMNĐ Thái Bình 2

Hưng Yên, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Chi nhánh Phát điện Dầu khí/Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đang có nhu cầu vệ sinh bồn dầu HFO Tổ máy S1. Được biết Quý Công ty là đơn vị có năng lực, kinh nghiệm trong việc cung cấp dịch vụ vệ sinh bồn dầu cho các nhà máy điện, đề nghị Quý Công ty quan tâm, xem xét và cung cấp báo giá cho hạng mục nói trên với nội dung như sau:

- Phạm vi công việc vệ sinh bồn dầu HFO Tổ máy S1 – NMNĐ Thái Bình 2 như đính kèm
- Tiến độ hoàn thành dịch vụ: Trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận bàn giao mặt bằng từ Nhà máy.
- Địa điểm thực hiện dịch vụ: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên.
- Hiệu lực báo giá: Tối thiểu 60 ngày kể từ ngày báo giá.
- Thời gian gửi báo giá: Không muộn hơn 9h00 ngày 24/02/2026.
- Báo giá được ký tên, đóng dấu bởi Người đại diện đủ thẩm quyền của Công ty.
- Phương thức gửi báo giá: Gửi trực tiếp qua bưu điện theo địa chỉ tiếp nhận báo giá hoặc qua email, fax.
- Thông tin liên hệ:
 - ✓ Người nhận: Hà Duy Phú, Phòng KTATMT;
 - ✓ Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên;
 - ✓ Số điện thoại liên hệ: 0344616886; Email: phuhd@pvpgb.vn; thohv@pvpgb.vn; vanthutb2@pvpgb.vn; nhanbaogia.hn@pvpgb.vn.

Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 cảm ơn sự hợp tác của Quý Công ty.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNPD DK (để b/c);
- GĐNM N.A.Tuấn (để b/c);
- PGĐNM N.V.Chung (e-copy);
- Các Phòng/PX: TM, NL, BDSC (để t/h);
- Lưu: VT, KTATMT (H.D.P: b).

Đính kèm:

- Phạm vi công việc xin báo giá.

**TL. GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PĐDK
KT. GIÁM ĐỐC NMNĐ THÁI BÌNH 2
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đinh Văn Ngọc

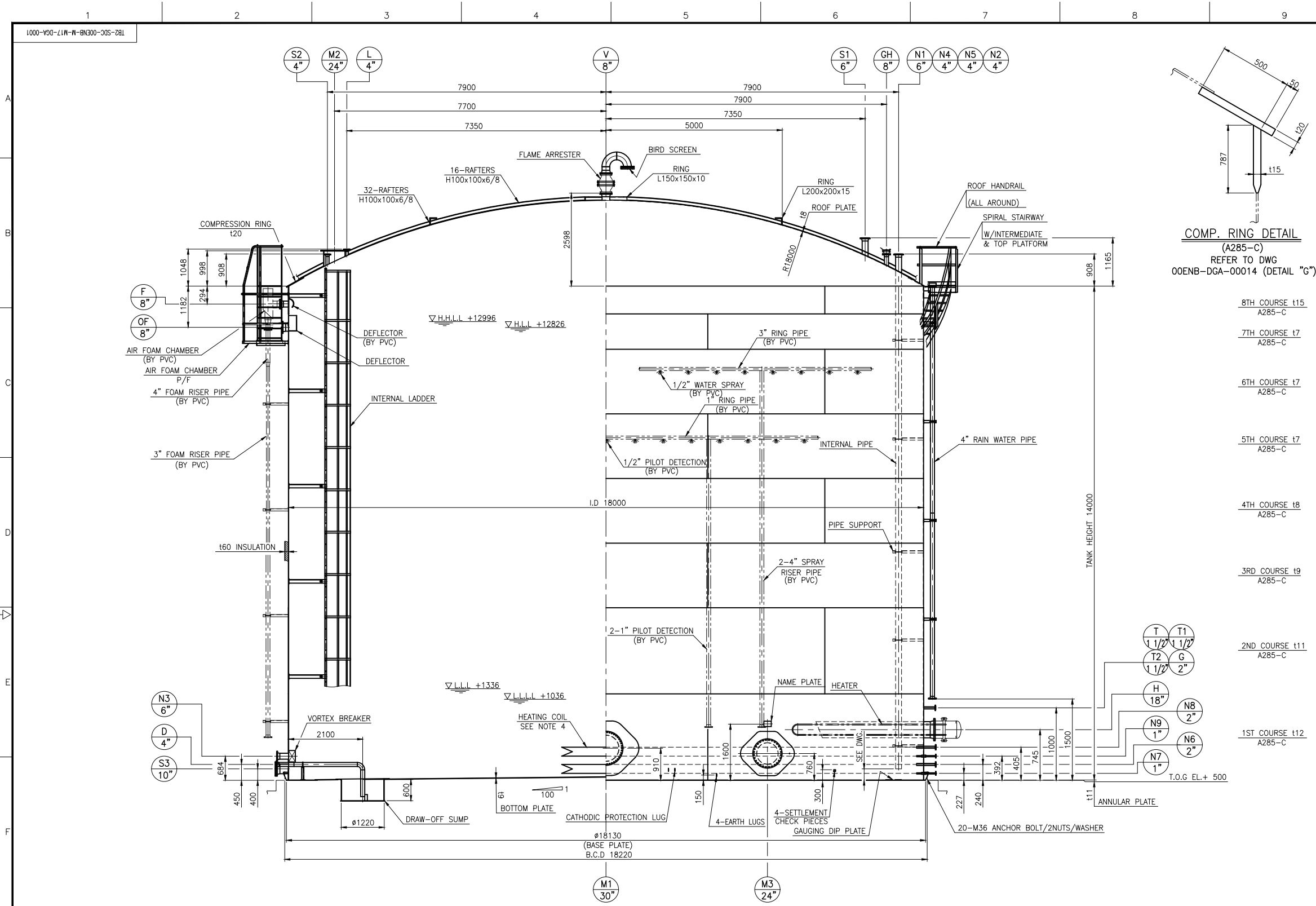
Xã Đông Thái Ninh, Tỉnh Hưng Yên
ĐT: 02273.721.515; Fax: 02273.721.678



Phạm vi công việc xin báo giá gói thầu “TB2026.II-BS0005: Cung cấp dịch vụ vệ sinh bồn dầu HFO Tổ máy S1 – NMNĐ Thái Bình 2”
(Đính kèm Công văn số 224 /NMĐTB2-KTATMT ngày 06 tháng 02 năm 2026)

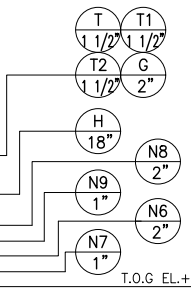
STT	Nội dung công việc	Thông số KT bể	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Bơm hút và vệ sinh bồn dầu HFO tổ máy S1	Ø18.13 m, H: 14 m Bể trụ thép, nóc bể cấu tạo chòm cầu (bản vẽ đính kèm)	Gói	1	- Lập biện pháp thi công trình nhà máy phê duyệt trước khi triển khai, bao gồm các bước sau (nhưng không giới hạn): phương án bơm hút nước nhiễm dầu còn lại trong bồn, phương án vệ sinh bên trong bể, biện pháp đảm bảo an toàn lao động, tiến độ thực hiện...; - Xả hết nước đọng và bơm hút nước nhiễm dầu tại bồn dầu S1 về bể tách dầu của Nhà máy để xử lý (khối lượng dự kiến khoảng 200 tấn nước nhiễm dầu); - Bơm hút lượng dầu còn lại (dự kiến khoảng 44 tấn) từ bồn dầu HFO tổ máy S1 sang bồn dầu HFO tổ máy S2; - Vệ sinh sạch sẽ bên trong bể theo biện pháp thi công đã được phê duyệt; - Thu gom và vận chuyển chất thải sau khi vệ sinh bồn dầu về nơi quy định tại Nhà máy.





COMP. RING DETAIL
(A285-C)
REFER TO DWG
00ENB-DGA-00014 (DETAIL "G")

- 8TH COURSE t15 A285-C
- 7TH COURSE t7 A285-C
- 6TH COURSE t7 A285-C
- 5TH COURSE t7 A285-C
- 4TH COURSE t8 A285-C
- 3RD COURSE t9 A285-C
- 2ND COURSE t11 A285-C
- 1ST COURSE t12 A285-C



TANK SPECIFICATION DATA					
1. DESIGN DATA					
APPLIED CODE	API 650 11th ADD.3				
SPECIFICATION	-				
SIZE	INSIDE DIA. : 18000 mm		HEIGHT : 14000 mm		
CAPACITY	NOMINAL : 3563 m³		WORKING : 3000 m³		
OPERA. TEMP.	50 °C		DESIGN TEMP.		60 °C
SPECIFIC GRAVITY	0.97		DESIGN SP. GR.		0.97
OPERA. PRESS.	ATM. mmH₂O		DESIGN PRESS.		F.L mmH₂O
HYDRO. TEST	FULL WATER				
CORR. ALLOW(mm)	SHELL : 3	ROOF : 3		BOTTOM : 3	
	STRUCTURALS : 0				
SHELL DESIGN	API STD. 650				
ROOF DESIGN	API STD. 650				
ROOF LOADS	UNIFORM LIVE :		122		kg/m²
	SPECIAL LOADING (PROVIDE SKETCH) :		-		kg/m²
EARTHQUAKE	SEISMIC ZONE : E (API 650 APP.E)				
	IMPORTANCE FACTOR : 1.5		SITE COEFFICIENT : - m/s²		
DESIGN WIND VELOCITY	52 m/sec (ASCE 7-05)	RAIN FALL	MAX. : - mm/Hr		
SNOW FALL	TOTAL ACCUMULATION :		- kg/m²		
FOUNDATION TYPE	BY CIVIL				
OPERATING WEIGHT	EMPTY :	1144873 kg	F.W :	6707443 kg	OPER. : 3310783 kg
2. CONSTRUCTION DETAILS					
MATERIAL SPECS.	SHELL PLATE : A285-C		ROOF PLATE : A285-C		
	BOTTOM PLATE : A285-C		ANNULAR PLATE : A285-C		
	COLUMN : -		ROOF STRUCT. : A36		
	FLANGE : A105		NOZZLE NECK : A285-C/A53-B		
	BOLT/NUT : A193-B7 / A194-2H		GASKET : SEE NOTE.5		
SHELL PLATE WIDTH & TH'K (mm)	FITTINGS : A234-WPB / A105		ANCHOR : A307-B/A563-A		
	1) 2438x112		2) 2438x111		3)1829x19
	4) 1829x18		5) 1829x17		6)1829x17
	7) 1000x7		8) 787x15		9)
	10)		11)		12)
BOTTOM PLATE	TH'K : 11 mm		☒ LAP JOINT		☐ BUTT JOINT
	SLOPE : 1/100		☒ CONED UP		☐ CONED DOWN
ANNULAR PLATE	MIN. WIDTH : mm		TH'K : 11mm		☐ LAP JOINT ☒ BUTT JOINT
ROOF	PLATE TH'K : 8 mm		☒ LAP JOINT		☐ BUTT JOINT
FIXED ROOF	SLOPE : -		☐ COLUMN ☐ TRUSS		☒ SELF SUPPORTED
FLOATING ROOF	-				
FLOATING ROOF SEAL	-				
WELD EXAMINATION	RADIOGRAPHIC : AS PER API 650		OTHER : AS PER API 650		
LEAK TESTING	BOTTOM : VBT		ROOF : -		SHELL : F.W
STRESS RELIEF	☒ NO		☐ YES		
PAINTING/COATING	INTERIOR : -				
	EXTERIOR				
	SURFACE PREPARATION		SHELL: SSPC-SP10 (Sa 2 1/2) ROOF: SSPC-SP6 (Sa 2)		
		PRIME	INTERMEDIATE	FINISH (ROOF ONLY)	TOUCH UP
	PAINT	EPOXY MASTIC	-	POLYURETHANE TOPCOAT / ACRYLIC POLYURETHANE	-
	DRAW FILM THICKNESS (µm)	SHELL:100 ROOF:125	-	75	-
INSULATION (BY PVC)	APPLICATION METHOD		SPRAY	-	SPRAY OR BRUSH OR ROLLER
	SHELL AREA : 795 m²		TH'K : 60 mm		
	ROOF AREA : - m²		TH'K : - mm		
	MATERIAL : -		kg/mm²		